

KẾT QUẢ PHỨC KHẨU BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2024-2025

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌ VÀ TÊN	SBD	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
1	23K303043	DLTCQK23	DCD.KHD.4.08.2	Bào chế & Công nghệ dược	Văn Thị Hân	0013	Không thay đổi điểm	
2	22Y3030028	DUOC22	D.NOI.3.01.3	Bệnh học	Nguyễn Thị Dương Cẩm	0025	Không thay đổi điểm	
3	22Y3030074	DUOC22	D.NOI.3.01.3	Bệnh học	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	0066	Không thay đổi điểm	
4	20Y3020030	RHM20	R.MD21.4.03.3	Bệnh học cắn khớp 3 (BH lệch lạc răng mặt, VLDC trong CHRM,TLS CHRM)	Nguyễn Thị Thu Hiền	0024	Không thay đổi điểm	
5	20Y3020040	RHM20	R.MD21.4.03.3	Bệnh học cắn khớp 3 (BH lệch lạc răng mặt, VLDC trong CHRM,TLS CHRM)	Nguyễn Thị Minh Hương	0034	Không thay đổi điểm	
6	20Y3020055	RHM20	R.MD21.4.03.3	Bệnh học cắn khớp 3 (BH lệch lạc răng mặt, VLDC trong CHRM,TLS CHRM)	Phạm Khánh Linh	0047	Không thay đổi điểm	
7	20Y3020123	RHM20	R.MD21.4.03.3	Bệnh học cắn khớp 3 (BH lệch lạc răng mặt, VLDC trong CHRM,TLS CHRM)	Trần Ngọc Vỹ	0114	Không thay đổi điểm	
8	21Y3020062	RHM21	R.MD18.4.01.3	Bệnh học miệng 1 (Bệnh học miệng)	Nguyễn Đăng Huy	0064	Không thay đổi điểm	
9	21Y3020067	RHM21	R.MD20.4.01.2	Bệnh học và điều trị phục hình tổn thương mô cứng 1 (Dụng cụ và vật liệu trong phục hình cố định, Sinh học miệng 4, Cắn khớp trong phục hình cố định, Phục hình cố định 1)	Lê Thanh Khánh Huyền	0066	Không thay đổi điểm	
10	23Y3020015	RHM23	R.MD06.3.03.3	Cấu trúc và chức năng cơ thể người 3 (SL)	Nguyễn Quang Đạt	0021	Không thay đổi điểm	
11	23Y3020149	RHM23	R.MD06.3.03.3	Cấu trúc và chức năng cơ thể người 3 (SL)	Nguyễn Quang Hiền	0036	Không thay đổi điểm	
12	23Y3020015	RHM23	R.MD10.4.02.2	Cơ sở miệng 1 (GP ĐMC, phối thai học RM)	Nguyễn Quang Đạt	0021	Không thay đổi điểm	
13	23Y3020105	RHM23	R.MD10.4.02.2	Cơ sở miệng 1 (GP ĐMC, phối thai học RM)	Nguyễn Hữu Thiện	0115	Không thay đổi điểm	
14	23Y3020140	RHM23	R.MD10.4.02.2	Cơ sở miệng 1 (GP ĐMC, phối thai học RM)	Phạm Danh Vũ	0153	Không thay đổi điểm	
15	22Y3020066	RHM22	R.MD10.4.03.2	Cơ sở miệng 3 (Phẫu thuật miệng đại cương)	Trần Thị Trúc Ly	0068	Không thay đổi điểm	
16	22Y3020118	RHM22	R.MD10.4.03.2	Cơ sở miệng 3 (Phẫu thuật miệng đại cương)	Lưu Công Thắng	0117	Không thay đổi điểm	
17	22Y3020009	RHM22	R.MD10.4.04.3	Cơ sở miệng 4: (Bệnh học miệng đại cương)	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	0007	Không thay đổi điểm	
18	22Y3020007	RHM22	R.MD10.4.04.3	Cơ sở miệng 4: (Bệnh học miệng đại cương)	Nguyễn Thị Vân Anh	0008	Không thay đổi điểm	
19	22Y3020030	RHM22	R.MD10.4.04.3	Cơ sở miệng 4: (Bệnh học miệng đại cương)	Phan Thị Hằng	0029	Không thay đổi điểm	
20	22Y3020046	RHM22	R.MD10.4.04.3	Cơ sở miệng 4: (Bệnh học miệng đại cương)	Nguyễn Quang Huy	0047	Không thay đổi điểm	
21	22Y3020102	RHM22	R.MD10.4.04.3	Cơ sở miệng 4: (Bệnh học miệng đại cương)	Lê Mai Hồng Phúc	0105	Không thay đổi điểm	
22	21Y3100033	HS22	S.SAN.4.17.3	Chăm sóc hộ sinh nâng cao và tư vấn chăm sóc sức khỏe tình dục	Trương Thị Thuý Phương	0010	Không thay đổi điểm	
23	22Y3080001	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Thái Tú An	0001	Không thay đổi điểm	
24	22Y3080048	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Võ Thị Thuý Linh	0039	Không thay đổi điểm	
25	22Y3080065	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Phan Thị Kim Ngân	0051	Không thay đổi điểm	
26	22Y3080071	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Võ Hạnh Nguyên	0059	Không thay đổi điểm	
27	22Y3080075	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Nguyễn Thị Nguyệt	0061	Không thay đổi điểm	
28	22Y3080076	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Phan Tuyết Nhã	0062	Không thay đổi điểm	
29	22Y3080080	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Ngô Thị Thảo Nhi	0065	Không thay đổi điểm	
30	22Y3080090	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Hoàng Nguyễn Anh Phương	0071	Không thay đổi điểm	
31	22Y3080093	YHCT22	Y.CDH.3.01.2	Chẩn đoán hình ảnh	Võ Minh Quân	0076	Không thay đổi điểm	
32	20Y3020016	RHM20	R.MD26.4.01.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.1 (Nha khoa công cộng)	Nguyễn Thị Bình	0009	Không thay đổi điểm	
33	20Y3020018	RHM20	R.MD26.4.01.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.1 (Nha khoa công cộng)	Trần Thị Kim Chi	0012	Không thay đổi điểm	
34	20Y3020025	RHM20	R.MD26.4.01.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.1 (Nha khoa công cộng)	Hoàng Phương Hà	0019	Không thay đổi điểm	
35	20Y3020040	RHM20	R.MD26.4.01.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.1 (Nha khoa công cộng)	Nguyễn Thị Minh Hương	0034	Không thay đổi điểm	
36	20Y3020117	RHM20	R.MD26.4.01.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.1 (Nha khoa công cộng)	Hoàng Thị Nhã Uyên	0108	Không thay đổi điểm	

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌ VÀ TÊN	SBD	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
37	20Y3020041	RHM20	R.MD26.4.02.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.2 (Pháp nha, Lão khoa, Nha khoa hiện đại)	Lê Văn Nhật Huy	0035	Không thay đổi điểm	
38	20Y3020055	RHM20	R.MD26.4.02.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.2 (Pháp nha, Lão khoa, Nha khoa hiện đại)	Phạm Khánh Linh	0047	Không thay đổi điểm	
39	20Y3020058	RHM20	R.MD26.4.02.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.2 (Pháp nha, Lão khoa, Nha khoa hiện đại)	Nguyễn Đức Thành Lộc	0049	Không thay đổi điểm	
40	20Y3020111	RHM20	R.MD26.4.02.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.2 (Pháp nha, Lão khoa, Nha khoa hiện đại)	Trương Huyền Trang	0102	Không thay đổi điểm	
41	20Y3020117	RHM20	R.MD26.4.02.3	Chẩn đoán và can thiệp cộng đồng 2.2 (Pháp nha, Lão khoa, Nha khoa hiện đại)	Hoàng Thị Nhã Uyên	0107	Không thay đổi điểm	
42	20Y3020011	RHM20	R.MD25.4.02.2	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần 2 (TMH)	Lê Võ Minh Anh	0002	Không thay đổi điểm	
43	20Y3020008	RHM20	R.MD25.4.02.2	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần 2 (TMH)	Nguyễn Thị Châu Anh	0003	Không thay đổi điểm	
44	20Y3020051	RHM20	R.MD25.4.02.2	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần 2 (TMH)	Nguyễn Thị Kiều	0044	Không thay đổi điểm	
45	20Y3020055	RHM20	R.MD25.4.02.2	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần 2 (TMH)	Phạm Khánh Linh	0047	Không thay đổi điểm	
46	20Y3020074	RHM20	R.MD25.4.02.2	Chuyên khoa hệ ngoại và liên quan gần 2 (TMH)	Nguyễn Thị Thanh Nhi	0066	Không thay đổi điểm	
47	20Y3010081	Y20	Y.MD28.5.01.3	Da liễu	Trần Gia Thành Đạt	0030	Không thay đổi điểm	
48	20Y3010444	Y20	Y.MD28.5.01.3	Da liễu	Phasavath Siththixay	0135	Không thay đổi điểm	
49	20Y3010322	Y20	Y.MD28.5.01.3	Da liễu	Bạch Duy Thái	0144	Không thay đổi điểm	
50	20Y3010324	Y20	Y.MD28.5.01.3	Da liễu	Trần Văn Thắng	0145	Không thay đổi điểm	
51	22Y3080001	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Thái Tú An	0001	Không thay đổi điểm	
52	22Y3080009	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Nguyễn Phùng Ngọc Châu	0004	Không thay đổi điểm	
53	22Y3080056	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Nguyễn Lê Chi Mai	0043	Không thay đổi điểm	
54	22Y3080058	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Trần Nhật Minh	0046	Không thay đổi điểm	
55	22Y3080071	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Võ Hạnh Nguyên	0060	Không thay đổi điểm	
56	22Y3080075	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Nguyễn Thị Nguyệt	0062	Không thay đổi điểm	
57	22Y3080084	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Nguyễn Thị Trang Nhung	0069	Không thay đổi điểm	
58	22Y3080090	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Hoàng Nguyễn Anh Phương	0072	Không thay đổi điểm	
59	22Y3080095	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Trần Đức Quý	0078	Không thay đổi điểm	
60	22Y3080103	YHCT22	Y.YCC.3.04.2	Dịch tễ học	Nguyễn Thị Thanh Thảo	0086	Không thay đổi điểm	
61	22Y3080151	YHCT22	T.YCC.5.05.2	Dinh dưỡng và VSATTP -SKMT và SKNN	H - Đom Mlô	0046	Không thay đổi điểm	
62	22Y3030161	DUOC22	D.KHD.4.19.2	Dược động học	Nguyễn Hữu Đức Phúc	0147	Không thay đổi điểm	
63	22Y3030059	DUOC22	D.KHD.4.07.2	Dược liệu 1	Nguyễn Thị Xuân Hiền	0054	Không thay đổi điểm	
64	22Y3030161	DUOC22	D.KHD.4.07.2	Dược liệu 1	Nguyễn Hữu Đức Phúc	0147	Không thay đổi điểm	
65	22Y3030116	DUOC22	D.DLY.4.01.3	Dược lý 1	Nguyễn Thị Kim Ngân	0110	Không thay đổi điểm	
66	23Y3010085	Y23	Y.MD07.3.02.3	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 2 (MD, DL, HH)	Võ Nguyễn Thuý Hà	0095	Không thay đổi điểm	
67	23Y3010130	Y23	Y.MD07.3.02.3	Đề kháng và đáp ứng miễn dịch 2 (MD, DL, HH)	Lại Nguyễn Hải Khánh	0154	Không thay đổi điểm	
68	22Y3080009	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Nguyễn Phùng Ngọc Châu	0004	Không thay đổi điểm	
69	22Y3080015	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Hoàng Dương Việt Dũng	0009	Không thay đổi điểm	
70	22Y3080016	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Nguyễn Văn Dũng	0011	Không thay đổi điểm	
71	22Y3080021	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Nguyễn Ngọc Thuý Duyên	0013	Không thay đổi điểm	
72	22Y3080058	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Trần Nhật Minh	0045	Không thay đổi điểm	
73	22Y3080151	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	H- Đom Mlô	0046	Không thay đổi điểm	
74	22Y3080071	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Võ Hạnh Nguyên	0059	Không thay đổi điểm	
75	22Y3080080	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Ngô Thị Thảo Nhi	0065	Không thay đổi điểm	
76	22Y3080079	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Phan Thảo Nhi	0066	Không thay đổi điểm	
77	22Y3080083	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Nguyễn Thị Trang Nhung	0068	Không thay đổi điểm	
78	22Y3080109	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Nguyễn Thị Minh Thư	0089	Không thay đổi điểm	
79	22Y3080111	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Võ Y Minh Thư	0090	Không thay đổi điểm	
80	22Y3080120	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Bùi Khắc Minh Toàn	0096	Không thay đổi điểm	

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌ VÀ TÊN	SBD	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
81	22Y3080134	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Trần Thị Tuyết	0108	Không thay đổi điểm	
82	22Y3080137	YHCT22	Y.KDD.3.01.2	Điều dưỡng cơ bản	Lê Thị Phương Uyên	0109	Không thay đổi điểm	
83	22Y3030059	DUOC22	D.KHD.4.20.2	Độc chất học	Nguyễn Thị Xuân Hiền	0054	Không thay đổi điểm	
84	22Y3030121	DUOC22	D.KHD.4.20.2	Độc chất học	Hoàng Thị Kim Ngân	0109	Không thay đổi điểm	
85	22Y3030116	DUOC22	D.KHD.4.20.2	Độc chất học	Nguyễn Thị Kim Ngân	0112	Không thay đổi điểm	
86	22Y3030161	DUOC22	D.KHD.4.20.2	Độc chất học	Nguyễn Hữu Đức Phúc	0150	Không thay đổi điểm	
87	23Y3040185	DD23	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	Phan Thanh Thảo	0345	Không thay đổi điểm	
88	24Y3110003	DINH DUONG24	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	Nguyễn Thu Hằng	0007	Không thay đổi điểm	
89	24Y3090002	HAYH24	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	Lưu Đức An	0456	Không thay đổi điểm	
90	24Y3090092	HAYH24	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	Nguyễn Nhất Phú	0537	Không thay đổi điểm	
91	24Y3090092	HAYH24	N.GPH.3.01.3	Giải phẫu	Nguyễn Nhất Phú	0537	Không thay đổi điểm	
92	24Y3040038	DD24	NCD.GSL.3.01.2	Giải phẫu - Sinh lý	Lê Thành Đạt	0105	Không thay đổi điểm	
93	22Y3080090	YHCT22	Y.GPH.3.01.3	Giải phẫu 1	Hoàng Nguyễn Anh Phương	0155	Không thay đổi điểm	
94	23Y3080081	YHCT23	Y.GPH.3.01.3	Giải phẫu 1	Lê Nguyễn Phương Mai	0108	Không thay đổi điểm	
95	24Y3080133	YHCT24	Y.GPH.3.01.3	Giải phẫu 1	Trần Minh Quân	0162	Không thay đổi điểm	
96	23Y3010398	Y23	Y.MD10.4.02.3	Hệ Cơ xương khớp	Vũ Minh Bảo	0033	Không thay đổi điểm	
97	23Y3010079	Y23	Y.MD10.4.02.3	Hệ Cơ xương khớp	Trần Thị Thu Giang	0089	Không thay đổi điểm	
98	23Y3010130	Y23	Y.MD10.4.02.3	Hệ Cơ xương khớp	Lại Nguyễn Hải Khánh	0154	Không thay đổi điểm	
99	23Y3010138	Y23	Y.MD10.4.02.3	Hệ Cơ xương khớp	Trần Đình Khôi	0164	Không thay đổi điểm	
100	23Y3010388	Y23	Y.MD10.4.02.3	Hệ Cơ xương khớp	Nguyễn Tuấn Vũ	0455	Không thay đổi điểm	
101	23Y3010051	Y23	Y.MD08.4.01.3	Hệ Hô hấp	Lê Quang Đạt	0075	Không thay đổi điểm	
102	23Y3010161	Y23	Y.MD08.4.01.3	Hệ Hô hấp	Nguyễn Hữu Duy Long	0193	Không thay đổi điểm	
103	23Y3010193	Y23	Y.MD08.4.01.3	Hệ Hô hấp	Trần Trung Nghĩa	0233	Không thay đổi điểm	
104	23Y3010434	Y23	Y.MD08.4.01.3	Hệ Hô hấp	Nguyễn Thành Nhân	0248	Không thay đổi điểm	
105	23Y3010206	Y23	Y.MD08.4.01.3	Hệ Hô hấp	Huỳnh Minh Nhật	0250	Không thay đổi điểm	
106	23Y3010215	Y23	Y.MD08.4.01.3	Hệ Hô hấp	Võ Huỳnh Ngân Nhi	0266	Không thay đổi điểm	
107	23Y3010388	Y23	Y.MD08.4.01.3	Hệ Hô hấp	Nguyễn Tuấn Vũ	0457	Không thay đổi điểm	
108	22Y3010066	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Nguyễn Văn Dũng	0049	Không thay đổi điểm	
109	22Y3010104	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Võ Thị Hạnh	0111	Không thay đổi điểm	
110	22Y3010112	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Vũ Trần Minh Hiếu	0125	Không thay đổi điểm	
111	22Y3010139	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Võ Văn Hưng	0148	Không thay đổi điểm	
112	22Y3010196	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Cao Thành Lộc	0209	Không thay đổi điểm	
113	22Y3010229	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	0250	Không thay đổi điểm	
114	22Y3010254	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Cao Trịnh Thảo Ni	0276	Không thay đổi điểm	
115	22Y3010497	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Phila Thanathone	0282	Không thay đổi điểm	
116	22Y3010263	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Trần Nguyễn Hữu Phúc	0290	Không thay đổi điểm	
117	22Y3010451	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Đỗ Anh Quân	0301	Không thay đổi điểm	
118	22Y3010279	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Lê Minh Quân	0304	Không thay đổi điểm	
119	22Y3010292	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Trần Thị Như Quỳnh	0325	Không thay đổi điểm	
120	22Y3010306	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Phan Anh Tài	0337	Không thay đổi điểm	
121	22Y3010409	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Trần Thị Mỹ Uyên	0443	Không thay đổi điểm	
122	22Y3010426	Y22	Y.MD11.4.01.4	Hệ Tiêu hóa	Phạm Thị Kim Yến	0466	Không thay đổi điểm	
123	22Y3010104	Y22	Y.MD12.4.01.2	Hệ Thận, Tiết niệu	Võ Thị Hạnh	0111	Không thay đổi điểm	
124	22Y3010196	Y22	Y.MD12.4.01.2	Hệ Thận, Tiết niệu	Cao Thành Lộc	0209	Không thay đổi điểm	
125	22Y3010209	Y22	Y.MD12.4.01.2	Hệ Thận, Tiết niệu	Lê Trần Ngọc Minh	0227	Không thay đổi điểm	
126	22Y3010263	Y22	Y.MD12.4.01.2	Hệ Thận, Tiết niệu	Trần Nguyễn Hữu Phúc	0290	Không thay đổi điểm	
127	22Y3010450	Y22	Y.MD12.4.01.2	Hệ Thận, Tiết niệu	Nguyễn Thị Thanh Phương	0297	Không thay đổi điểm	
128	23Y3030018	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Bùi Trúc Chi	0016	Không thay đổi điểm	
129	23Y3030056	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Lê Đình Hoàng	0052	Không thay đổi điểm	

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌ VÀ TÊN	SBD	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
130	23Y3030056	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Lê Đình Hoàng	0052	Không thay đổi điểm	
131	23Y3030089	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Lê Thị Ánh Ly	0084	Không thay đổi điểm	
132	23Y3030111	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Lê Khánh Nguyên	0106	Không thay đổi điểm	
133	23Y3030122	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Bùi Thị Lan Nhi	0117	Không thay đổi điểm	
134	23Y3030134	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Trần Thị Yến Nhi	0127	Không thay đổi điểm	
135	23Y3030135	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Lê Hoàng Bảo Nhiên	0129	Không thay đổi điểm	
136	23Y3030141	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Ngô Thị Nhung	0134	Không thay đổi điểm	
137	23Y3030154	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Lê Văn Quang	0146	Không thay đổi điểm	
138	23Y3030171	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Nguyễn Dương Thịnh	0162	Không thay đổi điểm	
139	23Y3030202	DUOC23	D.KHD.3.06.2	Hóa hữu cơ 2	Võ Văn Tri	0192	Không thay đổi điểm	
140	23Y3080054	YHCT23	N.SHY.3.01.2	Hóa sinh	Phạm Tấn Hoà	0044	Không thay đổi điểm	
141	23Y3080101	YHCT23	T.SHY.3.01.3	Hóa sinh	Huỳnh Tấn Nhi	0089	Không thay đổi điểm	
142	20Y3010049	Y20	Y.MD23.4.01.4	Huyết học và Ung bướu	Lê Khoa Minh Bách	0017	Không thay đổi điểm	
143	20Y3010081	Y20	Y.MD23.4.01.4	Huyết học và Ung bướu	Trần Gia Thành Đạt	0069	Không thay đổi điểm	
144	20Y3010322	Y20	Y.MD23.4.01.4	Huyết học và Ung bướu	Bạch Duy Thái	0283	Không thay đổi điểm	
145	24Y3030128	DUOC24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Huỳnh Ngọc Thảo Ngân	1134	Không thay đổi điểm	
146	24Y3030134	DUOC24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Hồ Nguyễn Bảo Ngọc	1140	Không thay đổi điểm	
147	24Y3030181	DUOC24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Như Quỳnh	1189	Không thay đổi điểm	
148	24Y3100021	HS24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Lê Phương Thanh	1278	Không thay đổi điểm	
149	24Y3020052	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bùi Mai Hương	0425	Không thay đổi điểm	
150	24Y3020062	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Quang Khải	0436	Không thay đổi điểm	
151	24Y3020071	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Đỗ Đức Lợi	0448	Không thay đổi điểm	
152	24Y3020172	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Võ Phan Nhật Minh	0456	Không thay đổi điểm	
153	24Y3020096	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Bá Minh Nhật	0474	Không thay đổi điểm	
154	24Y3020112	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Thái Vĩnh Phát	0491	Không thay đổi điểm	
155	24Y3020135	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Bá Tiên	0522	Không thay đổi điểm	
156	24Y3020135	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Bá Tiên	0522	Không thay đổi điểm	
157	24Y3020137	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Lê Tin Tin	0523	Không thay đổi điểm	
158	24Y3020138	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Phạm Ngọc Toàn	0524	Không thay đổi điểm	
159	24Y3020152	RHM24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Lương Quốc Tuấn	0541	Không thay đổi điểm	
160	24Y3050023	XNYH24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Lê Thị Khánh Chi	0020	Không thay đổi điểm	
161	24Y3050032	XNYH24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Mai Văn Du	0025	Không thay đổi điểm	
162	24Y3050048	XNYH24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Phạm Thị Mỹ Duyên	0035	Không thay đổi điểm	
163	24Y3050184	XNYH24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Hoàng Quỳnh Trâm	0157	Không thay đổi điểm	
164	24Y3050186	XNYH24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Thái Thị Ngọc Trâm	0159	Không thay đổi điểm	
165	24Y3010010	Y24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Khắc Quang Anh	0565	Không thay đổi điểm	
166	24Y3010077	Y24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Nhật Duy	0629	Không thay đổi điểm	
167	24Y3010241	Y24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Văn Nhật	0837	Không thay đổi điểm	
168	24Y3010277	Y24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Anh Quân	0882	Không thay đổi điểm	
169	24Y3080106	YHCT24	Y.LLCT.1.02.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Hoàng Diễm Ngọc	0286	Không thay đổi điểm	
170	23Y3080091	YHCT23	Y.KST.3.01.3	Ký sinh trùng	Trịnh Thị Thuỳ Ngân	0079	Không thay đổi điểm	
171	23Y3080104	YHCT23	Y.KST.3.01.3	Ký sinh trùng	Trần Thị Yến Nhi	0092	Không thay đổi điểm	
172	23Y3080110	YHCT23	Y.KST.3.01.3	Ký sinh trùng	Nguyễn Thị Hà Phương	0096	Không thay đổi điểm	
173	23Y3080174	YHCT23	Y.KST.3.01.3	Ký sinh trùng	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	0109	Không thay đổi điểm	
174	24Y3010396	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Nguyễn Bá Duy	0257	Không thay đổi điểm	
175	24Y3010398	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Võ Văn An Duy	0263	Không thay đổi điểm	
176	24Y3010189	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Bùi Phương Minh	0408	Không thay đổi điểm	
177	24Y3010241	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Trần Văn Nhật	0471	Không thay đổi điểm	
178	24Y3010270	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Trần Sĩ Phương	0511	Không thay đổi điểm	

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌ VÀ TÊN	SBD	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
179	24Y3010277	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Trần Anh Quân	0516	Không thay đổi điểm	
180	24Y3010286	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Nguyễn Văn Quốc	0526	Không thay đổi điểm	
181	24Y3010296	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Nguyễn Anh Sỹ	0539	Không thay đổi điểm	
182	24Y3010335	Y24	Y.MD04.2.04.3	Khoa học cơ bản: Hóa học	Nguyễn Thanh Khoa Tiến	0582	Không thay đổi điểm	
183	24Y3010396	Y24	Y.MD04.2.05.2	Khoa học cơ bản: Lý sinh, CĐHA	Nguyễn Bá Duy	0075	Không thay đổi điểm	
184	24Y3010115	Y24	Y.MD04.2.05.2	Khoa học cơ bản: Lý sinh, CĐHA	Lê Việt Hoàng	0133	Không thay đổi điểm	
185	24Y3010241	Y24	Y.MD04.2.05.2	Khoa học cơ bản: Lý sinh, CĐHA	Trần Văn Nhật	0285	Không thay đổi điểm	
186	24Y3010306	Y24	Y.MD04.2.05.2	Khoa học cơ bản: Lý sinh, CĐHA	Lê Văn Thái	0363	Không thay đổi điểm	
187	24Y3010077	Y24	Y.MD04.2.01.3	Khoa học cơ bản: Tin học đại cương và ứng dụng	Trần Nhật Duy	0261	Không thay đổi điểm	
188	24Y3020080	RHM24	Y.MD04.2.03.2	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Trần Thị Mơ	0550	Không thay đổi điểm	
189	24Y3020103	RHM24	Y.MD04.2.03.2	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Nguyễn Thị Yến Nhi	0574	Không thay đổi điểm	
190	24Y3020119	RHM24	Y.MD04.2.03.2	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Nguyễn Tuấn Sơn	0594	Không thay đổi điểm	
191	24Y3020180	RHM24	Y.MD04.2.03.2	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Lê Nhật Tiên	0614	Không thay đổi điểm	
192	24Y3010047	Y24	Y.MD04.2.03.2	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Võ Minh Công	0056	Không thay đổi điểm	
193	24Y3010150	Y24	Y.MD04.2.03.2	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Lê Đình Minh Khoa	0176	Không thay đổi điểm	
194	24Y3010437	Y24	Y.MD04.2.03.2	Khoa học cơ bản: Xác suất-Thống kê y học	Trần Lê Bảo Trân	0410	Không thay đổi điểm	
195	21Y3080073	YHCT21	Y.LAO.4.01.2	Lao	Nguyễn Bảo Ngọc	0120	Không thay đổi điểm	
196	22Y3080016	YHCT22	T.YCT.3.02.4	Lý luận cơ bản của Y học cổ truyền	Nguyễn Văn Dũng	0011	Không thay đổi điểm	
197	22Y3080072	YHCT22	T.YCT.3.02.4	Lý luận cơ bản của Y học cổ truyền	Hoàng Thảo Nguyên	0059	Không thay đổi điểm	
198	22Y3080093	YHCT22	T.YCT.3.02.4	Lý luận cơ bản của Y học cổ truyền	Võ Minh Quân	0077	Không thay đổi điểm	
199	22Y3080109	YHCT22	T.YCT.3.02.4	Lý luận cơ bản của Y học cổ truyền	Nguyễn Thị Minh Thư	0090	Không thay đổi điểm	
200	22Y3080112	YHCT22	T.YCT.3.02.4	Lý luận cơ bản của Y học cổ truyền	Hoàng Minh Thuý	0093	Không thay đổi điểm	
201	20Y3080060	YHCT20	Y.MAT.4.01.2	Mắt	Phạm Thị Ngọc	0043	Không thay đổi điểm	
202	20Y3010003	Y20	Y.MD28.5.04.3	Mắt	Nguyễn Vũ Quốc Bảo	0013	Không thay đổi điểm	
203	23Y3070004	YHDP23	Y.MPH.3.01.3	Mô phổi	Hồ Xuân Bảo	0005	Không thay đổi điểm	
204	21Y3080032	YHCT21	T.NOI.4.02.4	Nội bệnh lý (YHHĐ)	Cao Thị Như Hoa	0026	Không thay đổi điểm	
205	20Y3080110	YHCT20	T.YCT.5.41.2	Nội kinh - Y dịch	Nguyễn Thị Tô Trinh	0086	Không thay đổi điểm	
206	22Y3010038	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Lê Minh Cương	0043	Không thay đổi điểm	
207	22Y3010062	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Nguyễn Thị Dung	0047	Không thay đổi điểm	
208	22Y3010064	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Võ Minh Dũng	0051	Không thay đổi điểm	
209	22Y3010079	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Phạm Văn Duyệt	0064	Không thay đổi điểm	
210	22Y3010460	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Trương Văn Quốc Đạt	0080	Không thay đổi điểm	
211	22Y3010199	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Lê Nguyễn Trúc Ly	0214	Không thay đổi điểm	
212	22Y3010202	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Cao Thị Xuân Mai	0218	Không thay đổi điểm	
213	22Y3010243	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Lê Đình Nhật	0266	Không thay đổi điểm	
214	22Y3010279	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Lê Minh Quân	0305	Không thay đổi điểm	
215	22Y3010374	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Trần Thị Thu Trang	0414	Không thay đổi điểm	
216	22Y3010404	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Lang Văn Tuyển	0439	Không thay đổi điểm	
217	22Y3010409	Y22	Y.MD17.4.01.3	Nội khoa 1 (cơ sở)	Trần Thị Mỹ Uyên	0444	Không thay đổi điểm	
218	21Y3010387	Y21	Y.MD17.4.04.3	Nội khoa 4 (bệnh lý)	Lê Thị Huyền Trang	0194	Không thay đổi điểm	
219	21Y3080015	YHCT21	Y.YCC.5.08.2	Nghiên cứu khoa học	Trần Mỹ Duyên	0012	Không thay đổi điểm	
220	21Y3080069	YHCT21	Y.YCC.5.08.2	Nghiên cứu khoa học	Trần Thị Thu Ngọc	0061	Không thay đổi điểm	
221	21Y3010074	Y21	Y.MD20.4.01.3	Nhi khoa 1	Trương Tiến Dũng	0031	Không thay đổi điểm	
222	21Y3010166	Y21	Y.MD20.4.01.3	Nhi khoa 1	Nguyễn Thị Hà Khuyên	0084	Không thay đổi điểm	
223	21Y3010238	Y21	Y.MD20.4.01.3	Nhi khoa 1	Lê Thị Ngân	0115	Không thay đổi điểm	
224	21Y3010265	Y21	Y.MD20.4.01.3	Nhi khoa 1	Đoàn Thị Thanh Nhân	0133	Không thay đổi điểm	
225	21Y3010323	Y21	Y.MD20.4.01.3	Nhi khoa 1	Vũ Hồng Sơn	0161	Không thay đổi điểm	
226	21Y3010342	Y21	Y.MD20.4.01.3	Nhi khoa 1	Lê Đình Thành	0170	Không thay đổi điểm	
227	21Y3010363	Y21	Y.MD20.4.01.3	Nhi khoa 1	Trần Thị Hoài Thương	0188	Không thay đổi điểm	

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌ VÀ TÊN	SBD	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
228	21Y3010438	Y21	Y.MD20.4.01.3	Nhi khoa 1	Hán Ngọc Anh Thuyết	0192	Không thay đổi điểm	
229	22Y3030231	DUOC22	D.KHD.4.14.2	Pháp chế được	Nguyễn Thị Trinh	0216	Không thay đổi điểm	
230	23Y3020060	RHM23	R.MD03.1.07.2	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Võ Phạm Thùy Linh	0066	Không thay đổi điểm	
231	23Y3020093	RHM23	R.MD03.1.07.2	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Nguyễn Thị Hồng Quý	0101	Không thay đổi điểm	
232	23Y3010215	Y23	Y.MD03.1.07.2	Phát triển nhân văn và Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh chuyên ngành 2)	Võ Huỳnh Ngân Nhi	0264	Không thay đổi điểm	
233	21Y3080035	YHCT21	T.SAN.4.01.3	Phụ sản 1 (YHHĐ)	Võ Thị Huế	0031	Không thay đổi điểm	
234	21Y3080042	YHCT21	T.SAN.4.01.3	Phụ sản 1 (YHHĐ)	Trần Duy Huy	0038	Không thay đổi điểm	
235	20Y3010322	Y20	Y.MD28.5.03.3	Phục hồi chức năng	Bạch Duy Thái	0144	Không thay đổi điểm	
236	20Y3010324	Y20	Y.MD28.5.03.3	Phục hồi chức năng	Trần Văn Thắng	0145	Không thay đổi điểm	
237	20Y3010049	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Lê Khoa Minh Bách	0011	Không thay đổi điểm	
238	20Y3010003	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Nguyễn Vũ Quốc Bảo	0013	Không thay đổi điểm	
239	20Y3010052	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Phan Đình Vũ Bảo	0014	Không thay đổi điểm	
240	20Y3010131	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Dương Mỹ Hạnh	0055	Không thay đổi điểm	
241	20Y3010157	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Nguyễn Kim Huê	0072	Không thay đổi điểm	
242	20Y3010228	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Nguyễn Thái Minh	0100	Không thay đổi điểm	
243	20Y3010243	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Mai Lê Ngân	0103	Không thay đổi điểm	
244	20Y3010253	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Lê Thị Thảo Nguyên	0107	Không thay đổi điểm	
245	20Y3010290	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Trần Hoài Phương	0130	Không thay đổi điểm	
246	20Y3010319	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Lương Thị Thanh Tâm	0139	Không thay đổi điểm	
247	20Y3010368	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Nguyễn Thị Thanh Thuý	0168	Không thay đổi điểm	
248	20Y3010390	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Nguyễn Thị Trang	0184	Không thay đổi điểm	
249	20Y3010428	Y20	Y.MD28.5.05.3	Răng Hàm Mặt	Lê Thanh Vinh	0202	Không thay đổi điểm	
250	21Y3010240	Y21	N.SAN.5.01.2	Sân cơ sở và bệnh lý	Mang Quốc Nghĩa	0117	Không thay đổi điểm	
251	24Y3040035	DD24	N.KCB.2.04.2	Sinh học và Di truyền	Lầu A Chở	0165	Không thay đổi điểm	
252	24Y3040053	DD24	N.KCB.2.04.2	Sinh học và Di truyền	Đào Thị Linh Giang	0181	Không thay đổi điểm	
253	24Y3040260	DD24	N.KCB.2.04.2	Sinh học và Di truyền	Nguyễn Phương Thảo	0356	Không thay đổi điểm	
254	24Y3040283	DD24	N.KCB.2.04.2	Sinh học và Di truyền	Nguyễn Thị Thuý	0377	Không thay đổi điểm	
255	24Y3040299	DD24	N.KCB.2.04.2	Sinh học và Di truyền	Lê Thị Ngọc Trâm	0389	Không thay đổi điểm	
256	24Y3040366	DD24	N.KCB.2.04.2	Sinh học và Di truyền	Lữ Thị Như Yến	0443	Không thay đổi điểm	
257	24Y3030087	DUOC24	D.SLY.3.01.3	Sinh lý	Cao Thị Thu Huyền	0082	Không thay đổi điểm	
258	23Y3080041	YHCT23	Y.SLY.3.01.3	Sinh lý	Nguyễn Mỹ Hạnh	0034	Không thay đổi điểm	
259	23Y3040185	DD23	N.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Phan Thanh Thảo	0261	Không thay đổi điểm	
260	23Y3090069	HAYH23	N.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Phan Thị Yến Nhi	0056	Không thay đổi điểm	
261	23Y3090108	HAYH23	N.SLB.3.01.2	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Hoàng Quốc Việt	0087	Không thay đổi điểm	
262	23Y3050033	XNYH23	X.SLB.3.01.3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	0024	Không thay đổi điểm	
263	21Y3070010	YHDP21	P.YCC.4.11.2	Sức khỏe lứa tuổi	Hoàng Anh Đào	0010	Không thay đổi điểm	
264	21Y3070082	YHDP21	P.YCC.4.11.2	Sức khỏe lứa tuổi	Hồ Thị Thuý	0050	Không thay đổi điểm	
265	21Y3040095	DD21	N.KDD.4.13.2	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc điều dưỡng I	Bành Trọng Huy	0069	Không thay đổi điểm	
266	20Y3010058	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Võ Thị Như Bình	0027	Không thay đổi điểm	
267	20Y3010131	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Dương Mỹ Hạnh	0096	Không thay đổi điểm	
268	20Y3010189	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Võ Văn Nhật Khoa	0150	Không thay đổi điểm	
269	20Y3010243	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Mai Lê Ngân	0203	Không thay đổi điểm	
270	20Y3010269	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Trần Hồ Thảo Nhi	0229	Không thay đổi điểm	
271	20Y3010290	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Trần Hoài Phương	0253	Không thay đổi điểm	
272	20Y3010322	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Bạch Duy Thái	0283	Không thay đổi điểm	
273	20Y3010381	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Đỗ Song Toàn	0344	Không thay đổi điểm	

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌ VÀ TÊN	SBD	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
274	20Y3010390	Y20	Y.MD27.4.01.4	Tâm thần, Thần kinh	Nguyễn Thị Trang	0356	Không thay đổi điểm	
275	22Y3080103	YHCT22	T.YCT.5.42.2	Tiếng Hoa & Hán văn trong Đông y	Nguyễn Thị Thanh Thảo	0085	Không thay đổi điểm	
276	24Y3040053	DD24	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất - Thống kê y học	Đào Thị Linh Giang	0203	Không thay đổi điểm	
277	24Y3040131	DD24	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất - Thống kê y học	Phan Thị Thuỷ Linh	0271	Không thay đổi điểm	
278	24Y3040148	DD24	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất - Thống kê y học	Đặng Thành Nam	0285	Không thay đổi điểm	
279	24Y3040177	DD24	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất - Thống kê y học	Ngô Đăng Hà Nhi	0310	Không thay đổi điểm	
280	24Y3040283	DD24	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất - Thống kê y học	Nguyễn Thị Thuý	0393	Không thay đổi điểm	
281	24Y3040366	DD24	N.KCB.2.01.3	Tin học và Xác suất - Thống kê y học	Lữ Thị Như Yến	0460	Không thay đổi điểm	
282	23Y3020020	RHM23	R.MD07.3.01.3	Từ tế bào đến mô: Vi sinh y học	Hồ Anh Dũng	0012	Không thay đổi điểm	
283	23Y3040055	DD23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hoàng Thị Thu Hiền	0178	Không thay đổi điểm	
284	23Y3030018	DUOC23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bùi Trúc Chi	0496	Không thay đổi điểm	
285	23Y3030020	DUOC23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lương Anh Đào	0509	Không thay đổi điểm	
286	23Y3030064	DUOC23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hoàng Lê Minh Huy	0539	Không thay đổi điểm	
287	23Y3030111	DUOC23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Khánh Nguyên	0583	Không thay đổi điểm	
288	23Y3030114	DUOC23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Phúc Nguyên	0585	Không thay đổi điểm	
289	23Y3030186	DUOC23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Thùy Tiên	0652	Không thay đổi điểm	
290	23Y3020020	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hồ Anh Dũng	0335	Không thay đổi điểm	
291	23Y3020019	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Võ Thị Phương Dung	0337	Không thay đổi điểm	
292	23Y3020146	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Đăng Hải Dương	0338	Không thay đổi điểm	
293	23Y3020011	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phan Quang Đại	0340	Không thay đổi điểm	
294	23Y3020017	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Văn Minh Đức	0345	Không thay đổi điểm	
295	23Y3020028	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Ngọc Hân	0355	Không thay đổi điểm	
296	23Y3020031	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phùng Lê Mỹ Hạnh	0357	Không thay đổi điểm	
297	23Y3020032	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Võ Thị Hậu	0359	Không thay đổi điểm	
298	23Y3020149	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Quang Hiền	0360	Không thay đổi điểm	
299	23Y3020064	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đào Nguyễn Nhật Minh	0395	Không thay đổi điểm	
300	23Y3020119	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Võ Hương Trà	0453	Không thay đổi điểm	
301	23Y3020125	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bùi Thị Huyền Trang	0456	Không thay đổi điểm	
302	23Y3020130	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hà Trịnh Quốc Trung	0464	Không thay đổi điểm	
303	23Y3020133	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lô Mạnh Tùng	0467	Không thay đổi điểm	
304	23Y3020134	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Minh Tuyên	0469	Không thay đổi điểm	
305	23Y3020138	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Quang Việt	0472	Không thay đổi điểm	
306	23Y3020140	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Danh Vũ	0476	Không thay đổi điểm	
307	23Y3020141	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Thảo Vy	0477	Không thay đổi điểm	
308	23Y3020143	RHM23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Hoàng Yến	0481	Không thay đổi điểm	
309	23Y3050048	XNYH23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Văn Sỹ Hoàng	0038	Không thay đổi điểm	
310	23Y3050173	XNYH23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đặng Văn Vũ	0129	Không thay đổi điểm	
311	23Y3010112	Y23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Từ Đức Hoàng	0817	Không thay đổi điểm	
312	23Y3010205	Y23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Trịnh Quang Nhật	0932	Không thay đổi điểm	
313	23Y3010239	Y23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cù Huy Phúc	0966	Không thay đổi điểm	
314	23Y3010273	Y23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Văn Công Tuấn Sơn	1008	Không thay đổi điểm	
315	23Y3010298	Y23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phan Tấn Thành	1035	Không thay đổi điểm	
316	23Y3010305	Y23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Mai Việt Thảo	1038	Không thay đổi điểm	
317	23Y3010301	Y23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trương Thị Thu Thảo	1042	Không thay đổi điểm	
318	23Y3010335	Y23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Lê Khánh Trâm	1075	Không thay đổi điểm	
319	23Y3080091	YHCT23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trịnh Thị Thuý Ngân	0135	Không thay đổi điểm	
320	23Y3080102	YHCT23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Thảo Nhi	0145	Không thay đổi điểm	
321	23Y3080104	YHCT23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Thị Yến Nhi	0148	Không thay đổi điểm	
322	23Y3070047	YHDP23	Y.LLCT.1.05.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Hà Tô Uyên	0050	Không thay đổi điểm	

STT	MÃ SỐ SV	MÃ LỚP	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	HỌ VÀ TÊN	SBD	KẾT QUẢ	GHI CHÚ
323	22Y3010263	Y22	Y.MD15.4.04.2	Thực hành Y khoa 4: PTTH	Trần Nguyễn Hữu Phúc	0290	Không thay đổi điểm	
324	22Y3010279	Y22	Y.MD15.4.04.2	Thực hành Y khoa 4: PTTH	Lê Minh Quân	0304	Không thay đổi điểm	
325	22Y3010383	Y22	Y.MD15.4.04.2	Thực hành Y khoa 4: PTTH	Nguyễn Đức Trọng	0418	Không thay đổi điểm	
326	22Y3010404	Y22	Y.MD15.4.04.2	Thực hành Y khoa 4: PTTH	Lang Văn Tuyền	0438	Không thay đổi điểm	
327	24Y3030067	DUOC24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Dương Phước Hiếu	0060	Không thay đổi điểm	
328	24Y3030071	DUOC24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Trần Văn Hiếu	0065	Không thay đổi điểm	
329	24Y3030134	DUOC24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Hồ Nguyễn Bảo Ngọc	0128	Không thay đổi điểm	
330	24Y3030151	DUOC24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Phạm Thị Yến Nhi	0146	Có thay đổi điểm	Vào nhằm điểm thành phần
331	24Y3030181	DUOC24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Như Quỳnh	0177	Có thay đổi điểm	Vào nhằm điểm thành phần
332	24Y3090072	HAYH24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Hồ Huy Nguyên	0664	Không thay đổi điểm	
333	24Y3090089	HAYH24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Phan Văn Pháp	0679	Không thay đổi điểm	
334	24Y3090093	HAYH24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Phạm Lê Hoàng Phúc	0683	Không thay đổi điểm	
335	24Y3050184	XNYH24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hoàng Quỳnh Trâm	0892	Không thay đổi điểm	
336	24Y3010061	Y24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Phan Tiến Đạt	1451	Không thay đổi điểm	
337	24Y3010223	Y24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Thị Lương Nguyên	1624	Không thay đổi điểm	
338	24Y3010234	Y24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Văn Nhân	1636	Không thay đổi điểm	
339	24Y3010335	Y24	Y.LLCT.1.01.3	Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Thanh Khoa Tiến	1754	Không thay đổi điểm	
340	23Y3080041	YHCT23	Y.VSY.3.01.3	Vi sinh	Nguyễn Mỹ Hạnh	0034	Không thay đổi điểm	
341	23Y3080101	YHCT23	Y.VSY.3.01.3	Vi sinh	Huỳnh Tấn Nhi	0088	Không thay đổi điểm	
342	23Y3070061	YHDP23	Y.VSY.3.01.3	Vi sinh	Nguyễn Thị Hoài Phương	0178	Không thay đổi điểm	
343	24Y3070028	YHDP24	Y.KCB.2.05.2	Xác suất - Thống kê y học	Nguyễn Văn Hồi	0023	Không thay đổi điểm	
344	22Y3010064	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Võ Minh Dũng	0051	Không thay đổi điểm	
345	22Y3010209	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Lê Trần Ngọc Minh	0227	Không thay đổi điểm	
346	22Y3010219	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Tổng Đức Hoài Nam	0238	Không thay đổi điểm	
347	22Y3010220	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Trần Thanh Nhật Nam	0240	Không thay đổi điểm	
348	22Y3010243	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Lê Đình Nhật	0265	Không thay đổi điểm	
349	22Y3010497	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Phila Thanathone	0282	Không thay đổi điểm	
350	22Y3010450	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Nguyễn Thị Thanh Phương	0297	Không thay đổi điểm	
351	22Y3010282	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Nguyễn Phan Minh Quang	0314	Không thay đổi điểm	
352	22Y3010292	Y22	Y.MD21.4.04.2	Y học cộng đồng 1: Dịch tễ học	Trần Thị Như Quỳnh	0325	Không thay đổi điểm	
353	21Y3010367	Y21	Y.MD22.4.03.2	Y học cộng đồng 2: Y học thảm họa - Y pháp	Trần Thị Thanh Thuý	0191	Không thay đổi điểm	
354	20Y3010293	Y20	Y.MD16.4.01.3	Y học gia đình, Chẩn đoán hình ảnh (YHGĐ, Kỹ năng tham vấn và tính chuyên nghiệp)	Nguyễn Mai Phương	0251	Không thay đổi điểm	
355	20Y3010322	Y20	Y.MD16.4.01.3	Y học gia đình, Chẩn đoán hình ảnh (YHGĐ, Kỹ năng tham vấn và tính chuyên nghiệp)	Bạch Duy Thái	0283	Không thay đổi điểm	
356	20Y3010385	Y20	Y.MD16.4.01.3	Y học gia đình, Chẩn đoán hình ảnh (YHGĐ, Kỹ năng tham vấn và tính chuyên nghiệp)	Nguyễn Thị Anh Trâm	0349	Không thay đổi điểm	
357	21Y3090113	HAYH21	H.CDH.5.28.2	Y học hạt nhân và xạ trị 2	Phùng Thanh Tùng	0065	Không thay đổi điểm	

Ghi chú: Bài thi có thay đổi kết quả, sinh viên theo dõi cập nhật kết quả mới trên hệ thống đào tạo.

Thành phố Huế, ngày 10 tháng 3 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ - BDCLGD
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thanh